TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25/4/2025
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Phương

Ông Mai Văn Duẩn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Lành, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 04 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2025/TLST- HNGĐ ngày 08/01/2025 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 5 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Bùi Văn T; sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn ĐK, xã PL, thị xã QV, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt;

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn ĐK, xã PL, thị xã QV, tỉnh Bắc Ninh. Hiện đang sinh sống tại: Cộng Hòa Síp. Vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn ông Bùi Văn T trình bày:* Ông và bà Nguyễn Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, đăng ký kết hôn năm 1990 tại Ủy ban nhân dân xã PL, huyện QV. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc.

Năm 2009, bà N đi nước ngoài làm ăn,sinh sống. Đến năm 2017 thì bà N có về Việt Nam thăm gia đình. Vợ chồng không có tiếng nói chung, bà N không tôn trọng chồng, mẹ chồng chết bà N không về hỏi thăm, con chung xây dựng gia đình bà Nhạn cũng không về Việt Nam. Vợ chồng sống ly thân và không liên lạc với nhau từ năm 2017 đến nay. Do thời gian ly thân đã lâu, ông nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn được, mâu thuẫn đã kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Nguyễn Thị N.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Văn Phú, sinh ngày 27/7/1991 và Bùi Văn Nam, sinh ngày 02/8/1995. Hiện nay các con chung đều đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh và có gia đình riêng nên ông không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Ông tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

**Bị đơn bà Nguyễn Thị N* hiện đang lao động và làm việc tại Cộng hòa Síp nên Hội đồng xét xử không tiến hành lấy lời khai được.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành làm việc với bà Nguyễn Thị Nhan là chị gái ruột của bà Nguyễn Thị N thì được biết bà N có quan điểm như sau: Hiện bà N đang lao động tại Cộng Hòa Síp. Bà N đã biết việc ông T xin ly hôn với bà và cũng đồng ý ly hôn.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Văn Phú, sinh ngày 27/7/1991 và Bùi Văn Nam, sinh ngày 02/8/1995. Hiện nay các con chung đều đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh và có gia đình riêng nên ông không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bị đơn hiện đang sinh sống và lao động tại Cộng hòa Síp nên Hội đồng xét xử không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Bùi Văn T đề nghị xét xử vắng mặt và bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán Hội đồng xét xử Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án là đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, 35, 37, 38, 146, 147, 227, 228, 271, 273, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho ông Bùi Văn T được ly hôn bà Nguyễn Thị N. Về con chung, tài sản chung và công nợ: Không giải quyết.

Án phí: Ông Bùi Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Ông Bùi Văn T đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị N. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

- Về thẩm quyền giải quyết: Theo đơn xin ly hôn của ông Bùi Văn T , bà Nguyễn Thị N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Phù Lãng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh; tại thời điểm thụ lý vụ án bà Nguyễn Thị N đang lao động tại Cộng hòa Síp. Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin về thời gian xuất nhập cảnh tại Phòng quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh Bắc Ninh được biết bà Nguyễn Thị N đã xuất cảnh lần gần nhất là ngày 19/2/2017 qua cửa khẩu Nội Bài và hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại Việt Nam. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Việc tham gia tố tụng của các đương sự: Nguyên đơn ông Bùi Văn T có đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa Síp nên Tòa án đã tiến hành làm việc với bà Nguyễn Thị Nhan là chị gái của bà Nguyễn Thị N về việc cung cấp địa chỉ cụ thể của bà Nguyễn Thị N tại Cộng hòa Síp nhưng bà Nhan không cung cấp được cho Tòa án. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của bà N thông qua bà Nhan. Bà N biết việc ông T khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án và có ý kiến đồng ý ly hôn. Do vậy, cần xác định bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

- Quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị N tự nguyện đăng ký kết hôn năm 1990 tại Ủy ban nhân dân xã Phù Lãng, huyện Quế Võ (nay là thị xã Quế Võ). Do đó, quan hệ hôn nhân của ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị N là hợp pháp.

Quá trình chung sống, ban đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn do bà N đi lao động tại Cộng hòa Síp, khoảng cách địa lý xa xôi

khiến vợ chồng lạnh nhạt, không còn tình cảm. Ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên ông đề nghị Tòa án cho ông được ly hôn bà N.

Căn cứ vào lời trình bày của bà Nguyễn Thị Nhan là chị gái ruột của bà N thì bà N đã biết việc ông T xin ly hôn với bà và cũng có quan điểm đồng ý ly hôn với ông T.

Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng ông T, bà N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của ông T phù hợp với thực tế cuộc sống vợ chồng, phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T, cho ông Bùi Đức T được ly hôn bà Nguyễn Thị N.

- Con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Văn Phú, sinh ngày 27/7/1991 và Bùi Văn Nam, sinh ngày 02/8/1995. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Tài sản chung, công nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Án phí: Ông Bùi Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 37, 38, 146, 147, 227, 228, 271, 273, 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Văn T được ly hôn bà Nguyễn Thị N.

- Con chung, tài sản chung và công nợ: Không giải quyết.

2. Án phí: Ông Bùi Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận ông T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000322 ngày 07/01/2025 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bắc Ninh.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã Phù Lãng, tx. Quế Võ
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tuyết Mai

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Trần Minh phương - Nguyễn Thị Bẩy	**Nguyễn Tuyết Mai**